ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2024/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 13 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 383/TTr-STC ngày 09 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định:

a) Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới,

phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

b) Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

c) Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của Quyết định này.

Điều 2. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của từng văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục I).

2. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP: Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (phương thức quản lý trực tiếp).

Điều 3. Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung

Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, phục vụ người có công, bảo

trợ xã hội, phân giới cắm mốc trên địa bàn tỉnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục II).

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (trừ lĩnh vực y tế), quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục III).

2. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị trong lĩnh vực y tế, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục IV).

3. Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các trường hợp xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo số lượng và tiêu chuẩn, định mức phù hợp với quy định tại Quyết định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xử lý theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành.

Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/12/2024. Thay thế Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Giám đốc Kho bạc

Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục I

SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng (xe)	Chủng loại		
			Một cầu	Hai cầu	12-16 chỗ ngồi
I	**Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**				
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4		4	
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	6	1	5	
3	Văn phòng UBND tỉnh	6	1	5	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	1	5	1
5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	4	2	2	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	2	1	1
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	2	2	1
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	1	2	1
9	Sở Y tế	5	4	1	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	2	1	1	
11	Sở Thông tin và Truyền thông	2	1	1	
12	Thanh tra tỉnh	2		2	
13	Sở Giao thông Vận tải	2	1	1	
14	Sở Xây dựng	2	1	1	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	1	1	
16	Sở Tài chính	2	1	1	
17	Sở Nội vụ	2	1	1	
18	Sở Tư pháp	2	1	1	
19	Sở Công Thương	2		1	1
20	Sở Ngoại vụ	1		1	
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	1		1	
22	Ban Dân tộc	1		1	
23	Tỉnh đoàn thanh niên	1		1	
24	Hội Nông dân tỉnh	1		1	
25	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1	1		
26	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1	1		
27	Ủy ban MTTQ VN tỉnh	1		1	
II	**Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh**				
1	Đài Phát thanh và Truyền hình	2	1	1	
2	Trường CĐVH Nghệ thuật tỉnh	1		1	
3	Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk	1	1		
4	Trường Cao đẳng Đắk Lắk	2	1		1
5	Ban QLDA đầu tư XDCT Giao thông và NNPTNT Đắk Lắk	2	1	1	
6	Ban QLDA đầu tư XDCT dân dụng và công nghiệp Đắk Lắk	2	1	1	
III	**Các huyện, thị xã, thành phố**				
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	6	3	3	
2	Thị xã Buôn Hồ	6	3	3	
3	Huyện Cư M'gar	6	3	3	
4	Huyện Krông Pắc	6	3	3	
5	Huyện Buôn Đôn	6	3	3	
6	Huyện Ea Súp	6	3	3	
7	Huyện Krông Búk	6	3	3	
8	Huyện Ea H'leo	6	3	3	
9	Huyện Krông Năng	6	3	3	
10	Huyện Ea Kar	6	3	3	
11	Huyện M'Đrắk	6	3	3	
12	Huyện Cư Kuin	6	3	3	
13	Huyện Lắk	6	3	3	
14	Huyện Krông Bông	6	3	3	
15	Huyện Krông Ana	6	3	3	

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ 12 ĐẾN 16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng (xe)	Chủng loại	Thực hiện nhiệm vụ
I	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	**25**		
1	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	1	Xe bán tải	Phòng chống dịch bệnh trong nông nghệp
2	Chi cục Chăn nuôi và Thú ý	1	Xe bán tải	
3	Trung tâm bảo tồn voi, cứu hộ động vật và quản lý bảo vệ rừng	1	Xe bán tải	Quản lý, bảo vệ và phòng chống cháy rừng
4	Vườn Quốc gia Chư Yang Sin	1	Xe bán tải	
5	Ban Quản lý khu bảo tồn loài sinh cảnh thông nước	1	Xe bán tải	
6	Ban Quản lý rừng lịch sử, văn hóa, môi trường Hồ Lắk	1	Xe bán tải	
7	Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Krông Năng	1	Xe bán tải	
8	Ban Quản lý rừng đặc dụng Nam Ka	1	Xe bán tải	
9	Ban Quản lý rừng phòng hộ Núi Vọng Phu	1	Xe bán tải	
10	Ban Quản lý rừng thiên nhiên Ea Sô	1	Xe bán tải	
11	Chi cục Kiểm lâm	15	Xe bán tải	Kiểm lâm
11.1	*Cơ quan Chi cục Kiểm lâm*	1		Kiểm lâm
11.2	*Hạt Kiểm lâm huyện Cư M'gar*	1		
11.3	*Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn*	1		
11.4	*Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp*	1		
11.5	*Hạt Kiểm lâm Krông Năng - Buôn Hồ*	1		
11.6	*Hạt Kiểm lâm Buôn Ma Thuột - Krông Pắc*	1		
11.7	*Hạt Kiểm lâm Ea H'leo - Krông Buk*	1		
11.8	*Hạt Kiểm lâm huyện Lắk*	1		
11.9	*Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông*	1		
11.10	*Hạt Kiểm lâm Krông Ana - Cư Kuin*	1		
11.11	*Hạt Kiểm lâm huyện Ea Kar*	1		
11.12	*Hạt Kiểm lâm huyện M'Đrắk*	1		
11.13	*Đội Kiểm lâm cơ động PCCCR số 1*	1		
11.14	*Đội Kiểm lâm cơ động PCCCR số 2*	1		
11.15	*Đội Kiểm lâm cơ động PCCCR số 3*	1		
II	**Sở Lao động Thương binh và Xã hội**	**2**		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công	1	12-16 chỗ ngồi	Phục vụ người có công
2	Trung tâm bảo trợ xã hội	1	Xe bán tải	Phục vụ bảo trợ xã hội
III	**Sở Ngoại vụ**	1	Xe bán tải	Phân giới cắm mốc

Phụ lục III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

(Trừ lĩnh vực y tế)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/ 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Giá mua tối đa (triệu đồng/xe)	Thực hiện nhiệm vụ
I	**Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**				
1	Văn phòng Tỉnh ủy	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Nhiệm vụ đặc thù
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Nhiệm vụ đặc thù
3	Văn phòng UBND tỉnh	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Nhiệm vụ đặc thù
4	Sở Tài nguyên và Môi trường				
4.1	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	1	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1.500	Quan trắc khí
		1	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1.500	Quan trắc nước
5	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch				
5.1	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh Đắk Lắk	1	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	3.200	Đưa đón vận động viên đi thi đấu
		1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Đưa đón vận động viên đi thi đấu
5.2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	1	Xe ô tô tải	500	Chở thiết bị
		1	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	3.200	Chở diễn viên biểu diễn
5.3	Đoàn Ca múa Dân tộc	1	Xe ô tô tải	500	Chở thiết bị
		1	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	3.200	Chở diễn viên biểu diễn
5.4	Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng	1	Xe tuyên truyền lưu động	950	Xe tuyên truyền và chiếu phim lưu động
		1	Xe chiếu phim lưu động	950	Xe tuyên truyền và chiếu phim lưu động
5.5	Thư viện tỉnh	1	Xe ô tô tải gắn thiết bị trưng bày sách và trang thiết bị khác	500	Vận chuyển sách và trang thiết bị
5.6	Bảo tàng Đắk Lắk	1	Xe ô tô tải	500	Vận chuyển tài liệu, hiện vật
6	Sở Khoa học và Công nghệ				
6.1	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng	1	Xe có gắn thiết bị	950	Xe vận chuyển thiết bị về đo lường, chất lượng

			chuyên dùng		
		1	Xe ô tô có gắn cần cẩu	2.350	Xe ô tô gắn cần cẩu
7	Sở Lao động Thương binh và Xã hội				
7.1	Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy	1	Xe ô tô cứu thương	900	Nhiệm vụ đặc thù
		1	Xe ô tô tải	720	
7.2	Trung tâm điều dưỡng người có công	1	Xe ô tô phục vụ tang lễ	950	Nhiệm vụ đặc thù
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
8.1	Các Hạt kiểm lâm, các Đội kiểm lâm cơ động và phòng chống cháy rừng (xe/đơn vị)	1	Xe ô tô tải hoặc xe cần cẩu	900	Nhiệm vụ đặc thù
8.2	Trung tâm bảo tồn voi, cứu hộ động vật và quản lý bảo vệ rừng; Vườn Quốc gia Chư Yang Sin; BQL khu bảo tồn loài sinh cảnh thông nước; BQL rừng lịch sử, văn hóa, môi trường Hồ Lắk; BQL rừng phòng hộ đầu nguồn Krông Năng; BQL rừng đặc dụng Nam Ka; BQL rừng phòng hộ Núi Vọng Phu; BQL rừng thiên nhiên Ea Sô (xe/đơn vị)	1	Xe ô tô tải hoặc xe cần cẩu	900	Nhiệm vụ đặc thù
9	Sở Giao thông vận tải				
9.1	Thanh tra giao thông	5	Xe có biển hiệu nhận biết	950	Thanh tra giao thông
		1	Xe ô tô tải	2.000	Chở thiết bị cân trọng tải xe
10	Sở Xây dựng				
10.1	Trung tâm kiểm định xây dựng	1	Xe ô tô tải	500	Xe chở thiết bị kiểm định
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	1	Xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh	32.000	Truyền hình lưu động loại lớn
		1	Xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh	4.500	Truyền hình lưu động loại nhỏ
		1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Chở ê kíp phát thanh, truyền hình lưu động
		1	Xe ô tô tải	720	Chở thiết bị, máy móc phục vụ phát thanh, truyền hình trực tiếp
12	Trường Cao đẳng y tế	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Phục vụ công tác đào tạo
13	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.500	Phục vụ công tác đào tạo
14	Trường Cao đẳng Đắk Lắk	25	Xe ô tô tập lái	720	Đào tạo, tập lái, dạy nghề
		4	Xe ô tô dạy nghề	720	
		4	Xe ô tô tải	1.200	
		1	Xe ô tô trên	3.200	

			16-45 chỗ ngồi		
15	Nhà Văn hóa thanh thiếu nhi	1	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	3.200	Nhiệm vụ đặc thù
II	**Các cơ quan, đơn vị cấp huyện**				
1	Thành phố Buôn Ma Thuột				
1.1	Đội Quản lý trật tự cảnh quan đô thị	2	Xe ô tô tải	300	Nhiệm vụ đặc thù
1.2	Trung tâm VH thể thao du lịch	1	Xe gắn thiết bị chuyên ngành (truyền thanh lưu động)	950	Nhiệm vụ đặc thù
1.3	UBND xã, phường (xe/đơn vị)	2	Xe ô tô tải	300	Nhiệm vụ đặc thù
2	Các huyện, thị xã còn lại				
2.1	Trung tâm Truyền thông, Văn hóa, Thể thao (hoặc Phòng Văn hóa - Thể thao đối với các huyện chưa thành lập Trung tâm Truyền thông, Văn hóa, Thể thao)	1	Xe gắn thiết bị chuyên ngành (truyền thanh lưu động)	950	Nhiệm vụ đặc thù
2.2	UBND xã, phường, thị trấn (xe/đơn vị)	1	Xe ô tô tải	300	Nhiệm vụ đặc thù

Phụ lục IV

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Thực hiện nhiệm vụ
1	Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	Xe ô tô cứu thương	8	900	Xe trực cấp cứu, vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	1.100	Xe phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cao cấp
			1	1.100	Xe phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh
2	Bệnh viện Đa khoa Khu vực 333	Xe ô tô cứu thương	3	900	Xe trực cấp cứu, vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
3	Trung tâm huyết học truyền máu	Xe ô tô chuyên dùng	1	1.100	Xe lấy máu
4	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Xe ô tô cứu thương	1	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	3.500	Chụp X quang lưu động
			1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
5	Bệnh viện Mắt	Xe ô tô cứu thương	1	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe khám, chữa mắt lưu động
6	Bệnh viện tâm thần, Bệnh viện y học cổ truyền; Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ	Xe ô tô cứu thương	2	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
7	Trung tâm y tế thành phố Buôn Ma Thuột, Trung tâm y tế thị xã Buôn Hồ	Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
8	Trung tâm Y tế các huyện	Xe ô tô cứu thương	2	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
9	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC)	Xe ô tô chuyên dùng	6	720	Xe phòng chống dịch bệnh, vận chuyển vắc xin, sinh phẩm, phun hóa chất, kiểm tra giám sát dịch bệnh …
			1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
10	Trung tâm da liễu	Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
11	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe phục vụ lấy mẫu xét nghiệm, kiểm nghiệm
12	Trung tâm Pháp y	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe giám định pháp y
13	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe vận chuyển mẫu thực phẩm
14	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe phục vụ hoạt động y tế